

Bản án số: 59/2024/HS-PT
Ngày: 12-9-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tỉnh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Chí Đức

Ông Huỳnh Ngọc Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thủy Tiên - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:

Ông Đặng Hữu Tài- Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 57/2024/TLPT-HS ngày 25 tháng 7 năm 2024 đối với bị cáo **Lê Minh H** do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 57/2024/HS-ST ngày 20-6-2024 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre.

Bị cáo có kháng cáo: **Lê Minh H**, sinh năm: 1993 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi cư trú: **Số B, đường D, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh**; chỗ ở hiện nay: **Số B, lô A, Lầu G, chung cư K, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh**; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 12/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông **Lê Duy M**, sinh năm: 1969 và bà **Phan Thị Hồng V**, sinh năm 1971; vợ: **Nguyễn Thanh B**, sinh năm: 1998; bị cáo chưa có con; tiền án; tiền sự: không; bị cáo bị tạm giam trong vụ án khác (Tại Nhà tạm giữ **Công an thị xã H**, tỉnh Bình Định) từ ngày 29/3/2024 đến nay; bị cáo yêu cầu xét xử vắng mặt.

(Ngoài ra trong vụ án còn có bị cáo **Lê Duy M** nhưng không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Duy M sinh năm 1969 là cha ruột của **Lê Minh H** sinh năm 1993, hai cha con bàn bạc với nhau từ Thành phố Hồ Chí Minh xuống địa bàn tỉnh Bến Tre để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. **M** chuẩn bị miếng kim loại màu vàng để làm giả vàng miếng loại 24K và rữ **H**, đồng thời tìm người đi đường giả vờ nhặt

được miếng vàng và chia đôi giá trị tài sản là miếng vàng giả này với người bị lừa để họ phải đưa tiền hoặc vàng cho H khi nhận miếng vàng giả. H kêu M giả làm người bị rút vàng và tiền sau đó xin chuộc lại.

Ngày 25/4/2023, M điều khiển xe mô tô biển số 59S2- 133.45, H điều khiển xe mô tô biển số 59S2-893.77 từ Thành phố Hồ Chí Minh xuống Bến Tre để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản như đã bàn tính.

Khoảng 09 giờ 00 phút cùng ngày, khi cả hai chạy đến đường N thuộc địa phận khu phố A, phường A, thành phố B, M phát hiện anh Trần Thanh T điều khiển xe mô tô biển số 71FE-1126 trên đường N hướng từ phường H về phường A có đeo nhẫn vàng nên M ra hiệu cho H để thực hiện việc lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh T. H liền lấy tiền của mình để ở túi quần sau giống như gần rơi ra ngoài và chạy qua mặt anh T. Thấy tiền của H sắp rơi ra nên anh T chạy theo báo cho H biết, ngay lúc này M chạy tới chặn xe của anh T và nói: “có phải rút vàng không cho chuộc lại”. M lấy ra 01 miếng vàng giả gói trong tờ giấy bạc mệnh giá 1.000 đồng đưa cho T xem. H chạy xe lại giả vờ hỏi thăm anh T và M có nhặt được miếng V1 thì cho H xin lại. Lúc này M đòi cho chuộc lại 20.000.000 đồng và hứa cho anh T 10.000.000 đồng. H nói không có tiền nên M yêu cầu bán miếng vàng để lấy 20.000.000 đồng còn lại trả cho H thì H đồng ý, M nói với anh T biết chỗ nào có tiệm vàng đi bán miếng vàng thì bán dứt rồi lấy tiền chia nhau. Anh T đồng ý đi bán vàng, M giả vờ là sợ anh T lấy miếng vàng đi luôn nên yêu cầu anh T phải để lại tài sản cho M làm tin. Lúc này, anh T đưa Giấy chứng minh nhân dân của anh T, nhưng M không đồng ý, M yêu cầu anh T phải đưa nhẫn vàng đang đeo cho M giữ khi nào chia tiền M sẽ trả lại. Vì tưởng miếng vàng giả này là vàng thật và khi bán đem tiền chia nhau thì M trả lại vàng cho mình nên anh T đưa cho M giữ chiếc nhẫn vàng 24K, khối lượng 05 chỉ mình đang đeo rồi đem miếng vàng giả đi bán. Khi anh T vừa đi khuất thì M và H liền tẩu thoát hướng về huyện C, tỉnh Bến Tre về Thành phố Hồ Chí Minh. Đi một đoạn do nghi ngờ bị lừa nên anh T quay lại thì phát hiện M và H đã đi mất. Sau đó, anh T đến trình báo với Cơ quan Công an thành phố B và giao nộp miếng vàng giả cho Cơ quan Điều tra.

Đối với M và H trên đường về Thành phố Hồ Chí Minh thì M bảo Hoàng chạy xe về trước, còn M trên đường về khi qua cầu R sang Thành phố M, tỉnh Tiền Giang thì vào tiệm vàng bên đường bán chiếc nhẫn vàng chiếm đoạt được của anh T được 23.000.000 đồng. Do M không biết chữ nên không xác định được tiệm vàng nơi M đã bán vàng. Khi về đến Thành phố Hồ Chí Minh gặp lại H, Minh chia cho H 10.000.000 đồng.

Ngày 22/5/2023 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, tỉnh Tiền Giang phát hiện Lê Duy M Điều khiển xe mô tô mang biển số 59S2-133.45 nên tiến hành kiểm tra và thu giữ đồ vật, tài sản gồm: 11 (mười một) khối kim loại màu vàng; 01 (một) tấm nilon màu đen; Tiền VND: 2.100.000 đồng; 01 (một) Điện thoại di động hiệu Iphone màu trắng số Imei: 013433007227406; 01 (một) bóp da; 01 (một) Giấy chứng minh nhân dân mang tên Phan Thị Hồng V; 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 014674, Biển số xe 59S2-133.45 mang tên Nguyễn Nhật Đ; 01 (một) Giấy phép lái xe AR 267484 mang tên Lê Duy M; 01 (một) Giấy chứng minh Công nhân quốc phòng số TX437652 mang tên Lê Duy M; 01 (một) xe mô tô Biển số xe 59S2-133.45 nhãn hiệu HONDA, số loại AIRBLADE, màu sơn đỏ-đen,

số khung RLHJF4619EY343148, số máy JF46E-5043074; 01 (một) balo màu xanh có chữ “Celvin Kloin Jeans”; 22 (hai mươi hai) tờ tiền mệnh giá 1.000 đồng; 06 (sáu) chìa khóa xe; 03 (ba) đôi tất màu xanh; 04 (bốn) khẩu trang bằng vải; 01 (một) nón bảo hiểm màu đen có chữ “Andes”; 01 (một) áo sơ mi dài tay màu xanh có chữ “Belluni”; 01 (một) đôi giày màu đen.

Ngày 22/5/2023 Công an xã P, huyện B, tỉnh Long An tiếp nhận tin từ Đ2 Công an huyện B, tỉnh Long An về đối tượng nghi vấn lừa đảo chiếm đoạt tài sản và phát hiện Lê Minh H điều khiển xe mô tô mang Biển số 59S2-893.77 nên tiến hành kiểm tra và thu giữ đồ vật tài sản gồm: 01 (một) xe mô tô Biển số 59S2-893.77 nhãn hiệu HONDA, số loại VARIO, màu sơn nâu-đen, số khung KF11E2385225, số máy MH1KF1125HK388527; 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 334689, Biển số xe 59S2-893.77 mang tên Vũ Quốc K; 01 (một) Điện thoại Iphone 13 màu đỏ; 01 (một) Điện thoại Iphone 14 Promax màu tím; Tiền VND: 3.000.000 đồng.

Kết luận định giá số 674/KL-HĐĐG ngày 29/8/2023 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự của Thành phố B xác định: Nhẫn vàng 24K, khối lượng 05 chỉ, loại nhẫn trơn có giá mua vào ngày 25/4/2023 là 26.350.000 đồng.

Kết luận giám định số 4092/KL-KTHS ngày 13/7/2023 của Phân viện Khoa học hình sự Bộ C tại Thành phố Hồ Chí Minh xác định: 01 (một) miếng kim loại màu vàng thu giữ của Trần Thanh T (ký hiệu M2) khối lượng 29,48 gam có chứa thành phần kim loại chủ yếu là: Đồng (Cu)-hàm lượng Đ1 trung bình: 99,09%. Mẫu được mạ bên ngoài một lớp Vàng (A) rất mỏng, không xác định được hàm lượng vàng; 11 (mười một) miếng kim loại thu giữ của Lê Duy M (ký hiệu M1 đến M11) khối lượng 323,76 gam có chứa thành phần kim loại chủ yếu là: Đồng (Cu)-hàm lượng Đ1 trung bình: 99,09%. Mẫu được mạ bên ngoài một lớp Vàng (A) rất mỏng, không xác định được hàm lượng vàng.

Kết luận giám định số 246/2024/KL-KTHS ngày 31/3/2024 của Phòng K1 Công an tỉnh B kết luận:

- 01 (một) “Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy” số 014674, loại xe hai bánh, nhãn hiệu HONDA, màu đỏ-đen, biển số đăng ký 59S2-133.45 số khung RLHJF4619EY343148, số máy JF46E-5043074; số loại AIRBLADE, tên chủ xe Nguyễn Nhật Đ, địa chỉ: 2, NTLong, P12, Q.B/Thanh, đề ngày 18 tháng 9 năm 2014 (ký hiệu A1) phôi giấy “Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy” số 014674 là giả, được làm giả bằng phương pháp in phun màu; không đủ cơ sở kết luận hình dấu tròn màu đỏ, chữ ký mang tên Thượng tá Trần Văn T1 trên Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy” số 014674 là thật hay giả (do hình dấu, chữ ký cần giám định được đóng và ký trực tiếp, không có mẫu so sánh).

- 01 (một) “Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy” số 334689, nhãn hiệu HONDA, màu nâu-đen, biển số đăng ký 59S2-893.77 số khung KF11E2385225, số máy MH1KF1125HK388527; số loại VARIO, tên chủ xe Vũ Quốc K, địa chỉ: B N, P, Q.B/Thanh đề ngày 10 tháng 4 năm 2017 (ký hiệu A2) phôi và hình dấu tròn màu đỏ trên giấy “Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy” số 334689 là giả, được làm giả bằng phương pháp in phun màu; không đủ cơ sở kết luận hình dấu tròn màu đỏ, chữ ký mang tên Thượng tá Trần Văn T1 trên Giấy chứng nhận đăng ký xe mô

tô, xe máy” Số 334689 là thật hay giả (do hình dấu, chữ ký cần giám định được đóng và ký trực tiếp, không có mẫu so sánh).

- 01 (một) “Giấy phép lái xe” hạng A1, số AR 627484 mang tên **Lê Duy M**, sinh năm 1969, quốc tịch Việt nam, nơi cư trú: **C, P.P, tỉnh Thừa Thiên Huế**, cấp ngày 12 tháng 6 năm 2010 (kí hiệu A3) là giả, được làm giả bằng phương pháp in phun màu (gồm phôi, hình dấu và chữ ký).

Về xử lý vật chứng:

Cơ quan điều tra xác định 02 (hai) xe mô tô mang Biển số 59S2-133.45 và Biển số 59S2-893.77; các “Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy” số 014674; “Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy” số 334689, Giấy phép lái xe” hạng A1, số AR 627484 có dấu hiệu của vụ án Trộm cắp tài sản và sử dụng giấy tờ giả nên đã tách hành vi để xử lý ở vụ án khác. Trả lại 01 (một) Giấy chứng minh mang nhân dân tên **Phan Thị Hồng V** cho bà **Phan Thị Hồng V**.

Đối với vật chứng gồm: 11 (mười một) khối kim loại màu vàng; 01 (một) tấm nilon màu đen; Tiền VND: 2.100.000 đồng được tạm giữ ở **Kho bạc Nhà nước tỉnh B**; 01 (một) Điện thoại di động hiệu Iphon màu trắng số Imei: 013433007227406; 01 (một) bóp da; 01 (một) Giấy chứng minh Công nhân quốc phòng số TX437652 mang tên **Lê Duy M**; 01 (một) balo màu xanh có chữ “Celvin Kloin Jeans”; 22 (hai mươi hai) tờ tiền mệnh giá 1.000 đồng; 06 (sáu) chìa khóa xe; 03 (ba) đôi tất màu xanh; 04 (bốn) khẩu trang bằng vải; 01 (một) nón bảo hiểm màu đen có chữ “Andes”; 01 (một) áo sơ mi dài tay màu xanh có chữ “Belluni”; 01 (một) đôi giày màu đen; 01 (một) Điện thoại Iphone 13 màu đỏ; 01 (một) Điện thoại Iphone 14 Promax màu tím; Tiền VND: 3.000.000 đồng được tạm giữ ở **Kho bạc Nhà nước tỉnh B**;

Về trách nhiệm dân sự: bà **Phan Thị Hồng V** (vợ bị cáo **M**, mẹ của bị cáo **H**) đã bồi thường cho bị hại **Trần Thanh T** số tiền 26.850.000 đồng, bị hại **T** không yêu cầu bồi thường gì khác và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho hai bị cáo **Lê Duy M** và **Lê Minh H**. Bà **V** không yêu cầu bị cáo **M** và **H** hoàn trả lại số tiền đã bồi thường cho anh **T**.

Quá trình điều tra, **Lê Duy M** và **Lê Minh H** khai nhận phù hợp với nhau về hành vi phạm tội, phù hợp với lời khai của bị hại, kết quả khám nghiệm hiện trường, vật chứng thu giữ và các chứng cứ khác do Cơ quan điều tra thu thập.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 57/2024/HS-ST ngày 20/6/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã quyết định: Tuyên bố bị cáo **Lê Minh H** phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Lê Minh H** 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm hình sự của bị cáo **Lê Duy M**, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 12/7/2024 Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre nhận đơn kháng cáo của bị cáo **Lê Minh H** đề ngày 08/7/2024 (cùng ngày bị cáo nhận được bản án do xét xử vắng mặt bị cáo) với yêu cầu giảm nhẹ hình phạt tù.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 07/9/2024 (có xác nhận của Nhà tạm giữ Công an thị xã H, tỉnh Bình Định).

- Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau: Đơn kháng cáo của bị cáo làm trong hạn luật định phù hợp luật định. Về tội danh, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Lê Minh H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ và đã xem xét đầy đủ tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo nên xử phạt bị cáo 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù là phù hợp. Đề nghị căn cứ điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Minh H; giữ nguyên bản án sơ thẩm. Tuyên bố bị cáo Lê Minh H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Lê Minh H 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

- Bị cáo vắng mặt tại phiên tòa nên không thực hiện việc tranh luận và nói lời sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo làm trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị cáo theo quy định tại Điều 351 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[2] Về nội dung: Lời khai của bị cáo phù hợp với các chứng cứ của vụ án, có cơ sở xác định: khoảng 09 giờ 00 phút ngày 25/4/2023, tại đường N, địa phận khu phố A, phường A, thành phố B, Lê Duy M, Lê Minh H đã có hành dùng miếng vàng giả đánh lừa bị hại Trần Thanh T, để T tin tưởng miếng vàng giả là vàng thật và mang đi bán giúp cho 02 bị cáo; các bị cáo yêu cầu Tâm giao tài sản của T là 01 nhẫn vàng 24K khối lượng 05 chỉ, có trị giá là 26.350.000 đồng cho các bị cáo để làm tin sau đó các bị cáo chiếm đoạt và tẩu thoát.

Với ý thức, hành vi và giá trị tài sản chiếm đoạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Lê Minh H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có cơ sở, đúng quy định pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Lê Minh H, thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm khi áp dụng hình phạt tù đã xem xét nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng; Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại, thành khẩn khai báo theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị hại yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Trong giai đoạn xét xử phúc thẩm, bị cáo không có thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới. Tài sản bị

cáo chiếm đoạt có giá trị cao hơn 1/2 mức định lượng của điều luật. Do vậy, hình phạt 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù là phù hợp nên được giữ nguyên và không chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

[4] Quan điểm của Kiểm sát viên phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử;

[5] Về án phí: Bị cáo Lê Minh Hoàng phải chịu án phí phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Lê Minh H, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

1. Về trách nhiệm hình sự:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ Luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Lê Minh H** 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

2. Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Án phí hình sự phúc thẩm bị cáo Lê Minh H phải chịu là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre (3b);
- Công an và VKSND thành phố Bến Tre (2b);
- Chi cục THADS thành phố Bến Tre (1b);
- UBND phường 14 - Gò Vấp - Tp. Hồ Chí Minh (1b);
- Trại tạm giam (1b)
- Bị cáo (1b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Tỉnh